TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/DS-PT.
Ngày: 28-4-2023.
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 557/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Thiện: ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1991.
Địa chỉ: số 304/4, tổ 20, đường Lê Duẫn, khu phố V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/ 2019).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Anh P, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của ông P: ông Nguyễn Tiểu L, sinh năm 1980.
Địa chỉ: số 28 Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Trường C - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ trụ sở: Ô7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Chinh: Bà Nguyễn Thị Bé B - Chức danh: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/03/2021).

Địa chỉ: Ô7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C), sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ Đông, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/08 /2022).

Địa chỉ: Ấp Bình Hữu 2, xã Đ Thượng, huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

3.3. Bà Phan Ngọc B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bích: Anh Lê Huỳnh Khắc N, sinh năm 2000 (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/ 2022).

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

3.4. Ông Phan Tấn Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Rừng Dầu, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đảm: Ông Lê Bá Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 85, đường Lê Đại Hành, Khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/ 2020).

3.5. Ông Phan Tấn K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.6. Ông Phan Minh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Rừng Dầu, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.7. Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Giồng Lớn, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Phan Văn Anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020; Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị T do ông Nguyễn Quốc C đại diện trình bày:

Di sản của cụ Phan Văn S và cụ Nguyễn Thị L để lại có tổng diện tích đất là 30.375m^2, trong đó:

- Diện tích đất 26.570m^2 thuộc các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 72, 75, 118, 45, cùng tờ bản đồ số 21, các quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Mới 2, xã M.

- Diện tích đất 3.805m^2 thuộc các thửa số số 2, 2212, 322, 321, 444 , thuộc tờ bản đồ số 14, 22 quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Diện tích đất 9.420m^2 thuộc các thửa đất số 720, 721, 722, thuộc tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75 thuộc tờ bản đồ số 21 đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nguồn gốc các quyền sử dụng đất là của cụ Phan Văn S (chết năm 2013) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1994) để lại. Cụ S và cụ L có 07 người con gồm: Nguyễn Thị C (Phan Thị C), Phan Tấn K, Phan Thị T, Phan Tấn Đ, Phan Ngọc B, Phan Minh T và Phan Văn Anh P. Cụ S, cụ L chết nhưng không để lại di chúc.

Năm 2009, cụ S đã làm Hợp đồng tặng cho ông P các quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75, cùng bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích 9.420m^2, nhưng không thông qua ý kiến của những người con khác. Hiện nay ông P đã được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Nay bà Thiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ S và ông P đối với các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S và cụ L chết để lại là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa số 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An với tổng diện tích đo thực tế là 9.420m^2, yêu cầu chia 07 phần bằng nhau, bà Thiện xin nhận 01 kỷ phần với diện tích 1.345m^2 và yêu cầu được nhận di sản bằng tiền.

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Phan Văn Anh P ngày 03/3/2009.

Bị đơn ông Phan Văn Anh P do bà Nguyễn Thị Diễm Phương đại diện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tiểu L và ông Phan Văn Anh P thống nhất trình bày: Nguồn gốc các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, tờ bản đồ số 21 đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là do ông P nhận tặng cho từ cha ruột là cụ Phan Văn S. Lúc còn sống, cụ S đã phân chia tài sản cho 07 người con, mỗi người được hưởng một phần diện tích trong tổng diện tích đất 3.805m^2 tại các thửa đất số 2, 2212, 322, 321, 444, cùng tờ bản đồ số 14 và 22, đất tại xã M thì ông P không nhận và nhường lại cho các anh em. Nay nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì ông P không đồng ý. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) có yêu cầu độc lập trình bày: Các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, tổng diện tích 9.420m^2 có nguồn gốc của cha là cụ Phan Văn S (chết năm 2013), mẹ là cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1994). Cha mẹ bà sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Thị C (Phan Thị C), Phan Tấn K, Phan Thị T, Phan Tấn Đ, Phan Ngọc B, Phan Minh T và Phan Văn Anh P. Hiện nay cha mẹ bà đã chết, không để lại di chúc. Năm 2009, cụ S đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P nhưng không thông qua ý kiến của các con và ông P đã được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ S và ông P đối với các thửa đất số 720, 721, 722 tờ bản đồ số 13 và các thửa số 70, 72, 75 tờ bản đồ số 21, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An vô hiệu. Yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 720, 721, 722 tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75 tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích 9.420m^2 làm 07 phần bằng nhau, bà xin nhận 01 kỷ phần với diện tích 1.345m^2 và yêu cầu được nhận di sản bằng tiền. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phan Văn Anh P ngày 03/3/2009.

2. Bà Phan Ngọc B có yêu cầu độc lập do ông Lê Huỳnh Khắc N đại diện trình bày: Các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích 9.420m^2, nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại. Cha mẹ bà sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Thị C (Phan Thị C), Phan Tấn K, Phan Thị T, Phan Tấn Đ, Phan Ngọc B, Phan Minh T và Phan Văn Anh P. Hiện nay cha mẹ bà đã chết, không để lại di chúc. Năm 2009, cụ S đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P nhưng không thông qua ý kiến của các con và ông P đã được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ S và ông P đối với các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa 70, 72, 75, tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An vô hiệu. Yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất tại thuộc các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa 72, 75 tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích 9.420m^2 làm 07 phần bằng nhau, bà xin nhận 01 kỷ phần với diện tích khoảng 1.345m^2 và yêu cầu được nhận di sản bằng tiền. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phan Văn Anh P ngày 03/3/2009.

3. Ông Phan Tấn Đ có yêu cầu độc lập do ông Lê Bá Q đại diện trình bày: Các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa 72, 75, tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích 9.420m^2, về nguồn gốc đất là của cha bà là cụ Phan Văn S (chết năm 2013), mẹ là cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1994). Cha mẹ bà sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Thị C (Phan Thị C), Phan Tấn K, Phan Thị T, Phan Tấn Đ, Phan Ngọc B, Phan Minh T và Phan Văn Anh P. Hiện nay cha mẹ ông đã chết, không để lại di chúc. Năm 2009, cụ S

đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P nhưng không thông qua ý kiến của các con và ông P đã được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ S và ông P đối với các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An vô hiệu. Yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất tại thuộc các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75 tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có tổng diện tích là 9.420m^2 làm 07 phần bằng nhau, bà xin nhận 01 kỷ phần với diện tích khoảng 1.345m^2 và yêu cầu được nhận di sản bằng tiền. Ngoài ra, ông yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Phan Văn Anh P ngày 03/3/2009.

4. Ông Phan Minh T trình bày: Ông thống nhất về quan hệ huyết thống và nguồn gốc các thửa đất do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày là đúng. Nay nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh chấp với ông P thì ông không có ý kiến gì trong vụ án này, đồng thời ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

5. Ông Phan Tấn K trình bày: Ông thống nhất về quan hệ huyết thống và nguồn gốc các thửa đất do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày là đúng. Nay nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh chấp với ông P thì ông không có ý kiến gì trong vụ án này, đồng thời ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

6. Bà Lê Thị Ánh T trình bày: Bà là vợ của ông P và bà thống nhất với lời trình bày của ông P, không bổ sung gì thêm, đồng thời bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

7. Ủy ban nhân dân huyện Đ do bà Nguyễn Thị Bé B đại diện trình bày: Nguồn gốc, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn S với ông Phan Văn Anh P. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P không có tiến hành đo đạc, kiểm tra, xác minh hiện trạng đất, chỉ dựa vào Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập và duyệt ngày 12/02/2009. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P các thửa đất nêu trên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Thiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xác định không tranh chấp đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.181m^2, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623; Điều 624, Điều 626; Điều 627; Điều 628, Điều 630; Điều 631; Điều 632; Điều 635; Điều 641, Điều 649, khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 167, Điều 179, Điều 195 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Thị L gồm các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị C, bà Phan Ngọc B, ông Phan Tấm Đảm về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Thị L gồm các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.1 Giao toàn bộ diện tích đo thực tế là 6.816.4m^2 thuộc các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Phan Văn Anh P được tiếp tục quản lý, sử dụng.

2.2. Ông Phan Văn Anh P có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Ngọc B, ông Phan Tấm Đảm mỗi người một kỷ phần thừa kế tương đương giá trị thành tiền là 4.465.590.475đồng.

2.3. Tạm giao cho ông Phan Văn Anh P quản lý kỷ phần của ông Kiệt và ông Tâm.

Diện tích và vị trí đất: Theo Mảnh trích đo địa chính số 779-2020 ngày 19/9/2020 của Công ty TNHH đo đạt nhà đất Trung Nghĩa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 02/10/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 916-2020 ngày 09/9/2020 của Công ty TNHH đo đạt nhà đất Trung Nghĩa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 23/10/2020.

Ông Phan Văn Anh P có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với các thửa đất số 720, 721, 722, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, tờ bản đồ số 21 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngoài ra, tại Quyết định bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 5/10/2022 ông Phan Văn Anh P nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đơn ghi ngày 4/10/2022, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phan Thị T do ông Nguyễn Quốc C đại diện trình bày: Các thửa đất đang tranh chấp là di sản của cha mẹ của bà Thiện để lại chưa chia, nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Thiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Phan Văn Anh P và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiểu L thống nhất trình bày: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng đất do ông P nhận tặng cho từ cụ S là không có căn cứ. Bởi vì, trước khi chết cụ S đã chia đều đất cho các anh chị em của ông P xong. Đối với các thửa đất nguyên đơn tranh chấp này, khi còn sống cụ S đã tặng cho ông P thể hiện tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2009, đã được chứng thực theo đúng quy định pháp luật. Ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật và quản lý và sử dụng đất này ổn định, không có ai tranh chấp. Do đó, di sản của cụ S không còn nữa, nên yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu.

Bà Phan Thị C trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Thiện nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn Anh P xét thấy: nguồn gốc phần đất bà Phan Thị T khởi kiện chia di sàn thừa kế có nguồn gốc là từ ông, bà để lại cho cụ S, cụ L. Năm 1994, cụ L chết, đến năm 1998, cụ S kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất phần đất cụ S đang quản lý, sử dụng và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, là cấp cho cá nhân cụ S, không phải cấp cho hộ gia đình. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ S vẫn tiếp tục quản lý và sử dụng đất. Sau đó, do kinh tế khó khăn nên cụ S có chuyển nhượng một phần đất để trang trãi cho cuộc sống gia đình và để chia tiền cho 6 người con gồm: bà C, bà Thiện, ông Kiệt, ông Đảm, bà Bích, ông Tâm với tổng diện tích đất đã chuyển nhượng là khoảng l,6ha (gồm các thửa 322, 312, 321 và thửa số 2, cùng tờ bản đồ số 14, 22). Ngoài ra, các người con khác đều được cụ S cho thêm đất,

ai cũng có phần. Đến năm 2009, cụ S lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Anh P tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực nhưng các con của cụ S không có ý kiến gì.

Đến năm 2013, cụ S chết không để lại di chúc, nên phần đất còn lại khoảng 0,38ha của cụ S được các con của cụ S có văn bản thỏa thuận ngày 25 tháng 7 năm 2014 chia tài sản thừa kế tại các thửa đất số 2, 2212, 332, 321, 444, cùng tờ bản đồ số 14 và 22, đất tọa lạc tại ấp Mới 2, xã M huyện Đ, tỉnh Long An, cụ thể chia thừa kế cho 6 người con, nhưng phần của ông P thì ông P từ chối không nhận vì đã được cụ S cho phần đất từ năm 2009.

Từ những phân tích trên thấy rằng di sản của cụ S, cụ L không còn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phan Văn Anh P làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của: Bà Lê Ánh Tuyết, ông Phan Tấn K, ông Phan Minh T và Ủy ban nhân dân huyện Đ do bà Nguyễn Thị Bé B đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn Anh P:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất: nguồn gốc các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là của cha mẹ cụ S để lại cho cụ S và cụ L quản lý và sử dụng từ năm 1975. Cụ Nguyễn Thị L chết năm 1994, cụ Phan Văn S chết năm 2013 đều không để lại di chúc. Cụ L và cụ S có 7 người con gồm Nguyễn Thị C (Phan Thị C), Phan Tấn K, Phan Thị T, Phan Tấn Đ, Phan Ngọc B, Phan Minh T và Phan Văn Anh P, ngoài ra hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác. Khi cụ L còn sống thì các quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, tức là sau khi cụ L chết thì cụ S mới tiến hành đăng ký, kê khai toàn bộ quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy lần đầu) cho cụ Phan Văn S ngày 19/3/1998. Khi cụ S chết

không để lại di chúc, nên ngày 25/07/2014 các con của cụ S thống nhất lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với các thửa đất số 2, 2212, 332, 321, 444, tờ bản đồ số 14, 22 đất tọa lạc tại ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; tại thời điểm này các đồng thừa kế không đề cập đến các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cụ S đã tặng cho ông Phan Văn Anh P đứng tên (là thửa đất đang tranh chấp) và cũng không đề cập đến các thửa đất khi cụ S còn sống do kinh tế gia đình khó khăn nên cụ S đã chuyển nhượng để trang trãi cho cuộc sống gia đình và có chia tiền cho 6 người con gồm: bà C, bà Thiện, ông Kiệt, ông Đảm, bà Bích, ông Tâm cụ thể đã chuyển nhượng các thửa đất số 118, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 22 đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An với tổng diện tích 16.852m^2 và tặng cho ông Phan Văn Tâm diện tích 1.181m^2, thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; có tặng cho thêm đều các quyền sử dụng đất cho các người con, kể cả lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Anh P tại các thửa đất số 720, 721, 722, 70, 72, 75 nhưng các đồng thừa kế của cụ S không có ý kiến gì, nên đây được xem là các tình tiết không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Sau khi cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do kinh tế gia đình khó khăn nên cụ S có chuyển nhượng bớt một phần đất để trang trãi cho sinh hoạt cuộc sống gia đình vì thời điểm này cụ L đã chết, chỉ có một mình cụ S chăm lo cho các con. Ngoài ra, ông Kiệt còn được cụ S cho thêm diện tích đất khoảng 0,35ha đất ruộng, đất toạ lạc ấp Mới 2, xã M; bà C được cụ S cho thêm 0,75ha đất cói, đất toạ lạc ấp Mới 2, xã M; ông Đảm và ông Tâm được cho thêm 13 mét đất mặt tiền đường nhựa tại xã M; bà Thiện và ông Tâm được cho thêm 0,12ha đất ruộng, đất toạ lạc ấp Mới 2, xã M. Sau khi cụ S chết phần đất còn lại khoảng 3,8ha cũng đã chia thừa kế cho 6 người con nêu trên theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 25/7/2014, ông P xác định không nhận phần di sản thừa kế của ông theo văn bản này vì ông đã được cụ S cho đất từ năm 2009 bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, ông P xác định di sản của cụ S và cụ L đã được chia hết cho các anh chị em của ông khi cụ S còn sống. Các anh chị em của ông đã nhận tiền, đất mà hoàn toàn không có ý kiến gì. Ông xác định các thửa đất đang tranh chấp là tài sản của ông đã được cụ S tặng cho hợp pháp nên đây là tài sản của ông, không còn là di sản của cụ S, do đó các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật và không phù hợp với thực tế.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3.1] Căn cứ vào công văn số 173/CV-UBND ngày 17/04/2023 của Ủy ban nhân dân xã M thể hiện nội dung việc chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn S và ông Phan Văn Anh P tại Ủy ban nhân dân xã M được thực hiện vào năm 2009 là làm đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không ghi ngày tháng năm là sự thiếu sót của cán bộ phụ trách chuyên môn, việc cung cấp hồ sơ chứng thực đối

với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn S và ông Phan Văn Anh P thì hiện nay không tìm thấy hồ sơ do Trụ sở cơ quan nhiều lần sửa chữa, di dời nên đã thất lạc không còn.

[2.3.2] Theo nội dung của Biên bản xác minh ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với bà Nguyễn Thị Thu Đông, nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ là người trực tiếp ký chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Sang với ông P, bà Đông xác định đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không ghi ngày tháng năm) giữa ông Phan Văn S (sinh năm 1933) với ông Phan Văn Anh P (sinh năm 1976) được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã M. Bà Thu Đông xác định tại thời điểm chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ông Phan Văn S là cha ruột của ông P có trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã M với tinh thần minh mẫn, được bà Thu Đông giải thích đầy đủ về thủ tục, trình tự và nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và ông Sang đồng ý, tự nguyện ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để cho đất ông P vì ông P là con trai út của ông Sang. Việc không ghi ngày tháng năm tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do thiếu sót của cán bộ văn thư tại Ủy ban nhân dân xã M, nhưng việc thiếu sót này hoàn toàn không ảnh hưởng đến nội dung, trình tự chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã. Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, ông Sang xác định các quyền sử dụng đất khác đã chia đều cho các người con khác trong gia đình, riêng các thửa đất số 720, 722, 70, 72, 75 và 721 cùng tờ bản đồ số 13-21 là chia riêng cho ông P để ông P trực tiếp quản lý và sử dụng thờ cúng vì ông P là con út, quyền sử dụng đất này không liên quan đến các người con khác. Bà Thu Đông xác định lời trình bày của bà hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chịu trách nhiệm đối với lời trình bày của bà.

[2.3.3] Xét về hình thức của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Phan Văn S với ông Phan Văn Anh P tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 70, 72, 75, cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực không có ngày tháng năm, thấy rằng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất về hình thức đảm bảo và phù hợp với quy định của pháp luật, tuy có thiếu sót của người thực hiện chứng thực văn bản, nhưng việc thiếu sót này không làm thay đổi nội dung của hợp đồng tặng cho, vẫn đảm bảo đúng ý chí và tinh thần tự nguyện của người tặng cho quyền sử dụng đất và nhận tặng cho quyền sử dụng đất nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vẫn có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 119, Điều 457 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3.4] Hội đồng xét xử xét thấy, các thửa đất đang tranh chấp ông P đã được cụ S tặng cho phù hợp với quy định của pháp luật, khi ông P được cụ S tặng cho quyền sử dụng đất, cụ S đã giao quyền sử dụng đất cho ông P quản lý và sử dụng từ thời điểm tặng cho, các anh chị em trong gia đình đều biết, không ai có ý kiến hay tranh chấp gì, kể cả sau khi cụ S chết các đồng thừa kế đã có văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế có nội dung thể hiện " *Chúng tôi là những người thừa kế theo pháp luật của ông Phan Văn S chết ngày 15/5/2013, giấy chứng tử quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An*

cấp ngày 15/5/2013. Chúng tôi thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế của ông Phan Văn S để lại như sau: Trước khi ông Phan Văn S chết không để lại di chúc hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế của ông Phan Văn S phải thực hiện; ông Phan Văn S có vợ là bà Nguyễn Thị L (đã chết), có con đẻ là Phan Ngọc B, Phan Văn Anh P, Phan Thị T, Phan Tấn K, Phan Tấn Đ, Phan Minh T, Nguyễn Thị C. Ngoài ra, ông Phan Văn S không còn ai là vợ, con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ đẻ của ông Phan Văn S đã chết trước, ông Phan Văn S không có bố mẹ nuôi. Di sản ông Phan Văn S để lại là quyền sử dụng đất căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 026818- BB 414026 - BB 414028 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/1998, 09/3/2014 và 02/3/2010, cụ thể là các thửa đất số 2, 2212, 322, 321, 444, tờ bản đồ số 14,22 có tổng diện tích 3.805m^2...Chúng tôi những người có tên ở trên cam đoan những điều mà chúng tôi khai ở trên là hoàn toàn đúng sự thật, không khai man..". Lúc các đồng thừa kế của cụ S lập văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế không ai đề cập đến những thửa đất đang tranh chấp này, đều này thể hiện ý chí của các đồng thừa kế đã xác định quyền sử dụng đất đã được cụ S cho ông P đứng tên trước khi cụ S chết là của ông P nên không ai đề cập đến. Như vậy, có căn cứ xác định các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75 cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An không còn là di sản của cụ S và cụ L, nên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tất cả các thửa đất do cụ S đứng tên là tài sản chung của cụ S và cụ L mỗi người có quyền định đoạt đối với ½ trên tổng số quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại, phần của cụ S đã chuyển nhượng cho người khác và đã tặng cho các con trước đó, nên các thửa đất do ông P đứng tên là di sản còn lại của cụ L nên chia thừa kế. Nhận định và đánh giá chứng cứ của Tòa cấp sơ thẩm là chưa phù hợp, từ đó chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ và không phù hợp với thực tế.

Từ những phân tích trên: Có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Anh P.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng (chi phí đo vẽ, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh) tại cấp sơ thẩm là 123.000.000đồng. Buộc bà Phan Thị T, bà Phan Ngọc B, ông Phan Tấn Đ và bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) mỗi người phải chịu 30.750.000 đồng, số tiền này bà Thiện đã tạm nộp toàn bộ do đó buộc ông Đảm, bà Bích và bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Thiện mỗi người 30.750.000 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh tại cấp phúc thẩm 10.000.000đồng ông Phan Văn Anh P tự nguyện chịu, số tiền này ông P đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) được miễn án phí. Hoàn lại cho bà C số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006076 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

[6.2] Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà Thiện đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005506 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Thiện số tiền 6.201.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0005763 ngày 06/7/2020 và số 0005505 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

[6.3] Ông Phan Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Đảm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006075 ngày 15/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho ông Đảm số tiền 4.700.000 đồng.

[6.4] Bà Phan Ngọc B phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà Bích đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006074 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Bích số tiền 4.700.000 đồng.

[6.6] Ông Phan Văn Anh P không phải chịu án phí.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn Anh P không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn Anh P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 181/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468, Điều 612, Điều 615, Điều 656, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, bà Phan Ngọc B, ông Phan Tấn Đ và bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 720, 721, 722, cùng tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 72, 75 cùng tờ bản đồ số 21, các thửa đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tại cấp sơ thẩm là 123.000.000đồng. Buộc bà Phan Thị T, bà Phan Ngọc B, ông Phan Tấn Đ, bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) mỗi người phải chịu 30.750.000 đồng, số tiền này bà Thiện đã tạm nộp toàn bộ do đó buộc ông Đảm, bà Bích, bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Thiện mỗi người 30.750.000 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh tại cấp phúc thẩm 10.000.000đồng ông Phan Văn Anh P tự nguyện chịu, số tiền này ông P đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị C (Phan Thị C) được miễn án phí. Hoàn lại cho bà C số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006076 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà Thiện đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005506 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Thiện số tiền 6.201.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0005763 ngày 06/7/2020 và số 0005505 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3 Ông Phan Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Đảm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006075 ngày 15/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho ông Đảm số tiền 4.700.000 đồng.

3.4. Bà Phan Ngọc B phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà Bích đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006074 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Bích số tiền 4.700.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn Anh P không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông P số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000135 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng